

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2023/DS-ST

Ngày: 28- 4- 2023

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T-THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T

2. Ông Nguyễn Anh N

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh H, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu H- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 300/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2023/QĐ-HPT ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Bạch M, sinh năm 1960,

Địa chỉ: 21/5 L, phường P, quận T, Thành phố H,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Ngọc Thái B, sinh năm 19XX;

(có mặt tại phiên tòa);

2. *Bị đơn:* Bà Lê Nguyễn Ái L, sinh ngày XX/XX/19XX,

Căn cước công dân số: 060183000167

Địa chỉ: 47/17 H, phường P, quận T, Thành phố H.

(vắng mặt tại phiên tòa);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2022, các bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Hồ Thị Bạch M có người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Ngọc Thái B trình bày:

Bà M và bà Lê Nguyễn Ái L có quen biết nhau nên ngày 20/12/2021 bà M cho bà L vay 100.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 20/12/2021. Theo nội dung giấy vay tiền này, bà L cam kết mỗi ngày góp 1.300.000 đồng, bắt đầu từ ngày 21/12/2021, kết thúc là ngày 30/3/2022, ngày 30 của mỗi tháng góp 2.300.000 đồng.

Đến ngày 26/12/2021 bà L tiếp tục vay của bà M 530.000.000 đồng và hứa sẽ trả trong ngày. Tuy nhiên, do không thể trả đúng như thỏa thuận (trả trong ngày) nên ngày 27/02/2021 bà L viết “Tờ giải trình mượn tiền không lãi suất”, nội dung chính như sau: “Tôi tên Lê Nguyễn Ái L, sinh ngày 24/5/1983, CCCD số 060183000167, địa chỉ: 47/17 H, phường P, quận T. Vào ngày 26/12/2021 tôi có đến nhà bà Hồ Thị Bạch M có mượn của bà M số tiền là 530.000.000 đồng (năm trăm ba mươi triệu đồng). Buổi sáng và buổi chiều phải trả lại không lãi suất nên tôi có hứa cho bà là 8 triệu đồng nhưng buổi tối trong ngày 26/12/2021 tôi đã không trả lại đúng như thỏa thuận ban đầu và có hứa bán nhà để trả nợ. Đến ngày 27/12/2021 tôi bằng lòng sẽ trả cho bà M theo thỏa thuận là vào ngày 15/1/2022 trả cho bà M 10.000.000 đồng/ngày cho đến khi kết thúc là ngày 09/3/2022 đủ số tiền 530 triệu và cả 8 triệu hoa hồng...”.

Để đảm bảo số tiền vay, bà M và bà L đã ký Hợp đồng vay tiền số công chứng 000612, quyển số 1, ngày 10/01/2022 của Văn phòng công chứng T, Thành phố H, nội dung bà L vay bà M 630.000.000 đồng, thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 09/3/2022, vay không lãi suất.

Tuy nhiên, khi đến hạn, bà L không trả nợ bất kỳ khoản tiền nào cho bà M nên ngày 12/02/2022 bà M làm thông báo yêu cầu bà L trả nợ. Đến nay bà L vẫn cố tình lẩn tránh không phản hồi, không trả nợ và đã bán nhà đi đâu không rõ.

Nay bà M yêu cầu bà Lê Nguyễn Ái L phải trả cho bà M số tiền 630.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 000612, quyển số 1, ngày 10/01/2022 của Văn phòng công chứng T, Thành phố H. Bà M không yêu cầu bà L trả lãi.

Khi cho bà L vay tiền, bà M không cầm giữ bất kỳ tài sản nào của bà L.

Do chỉ một mình bà L vay và ký giấy vay tiền nên bà M yêu cầu chỉ bà L trả nợ, không yêu cầu chồng bà L phải cùng trả nợ cho bà M.

Số tiền bà M cho bà L vay là tài sản của cá nhân bà M, không liên quan đến ai vì hiện nay bà M độc thân.

Bị đơn bà Lê Nguyễn Ái L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa,

quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Hiếu đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Bạch M có người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Ngọc Thái B vẫn giữ ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn bà Lê Nguyễn Ái L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Thẩm quyền thụ lý vụ án: Bị đơn Lê Nguyễn Ái L có địa chỉ: 47/17 H, phường P, quận T, Thành phố H nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trên thuộc trường hợp tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc Tòa án xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68, 69 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vấn đề thu thập chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu được Tòa án tuân thủ theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 171, 173 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có 01 thẩm phán và 02 Hội thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 63 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thủ tục khai mạc phiên tòa không vi phạm Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Theo Hợp đồng vay tiền số 000612 do Văn phòng công chứng T, Thành phố H chứng nhận ngày 10/01/2022 thì bà Lê Nguyễn

Ái L có vay của bà Hồ Thị Bạch M số tiền là 630.000.000 đồng, thời hạn vay: kể từ ngày 10/01/2022 đến ngày 09/03/2022, lãi suất: không có. Thực hiện hợp đồng trên, bà M đã đưa đủ số tiền 630.000.000 đồng căn cứ vào giấy vay tiền ngày 20/12/2021 và ngày 26/12/2021. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng, do đó bà Hồ Thị Bạch M yêu cầu buộc bà L phải trả toàn bộ số tiền đã vay là 630.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 351, 463, 466, 468 BLDS 2015.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà M.
- Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Bạch M yêu cầu bị đơn bà Lê Nguyễn Ái L thanh toán số tiền nợ 630.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 000612, quyển số 1, ngày 10/01/2022 của Văn phòng công chứng T, Thành phố H, Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”, cụ thể là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Phiếu yêu cầu xác minh ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân quận T, Công an phường Phú Trung xác định bị đơn bà Lê Nguyễn Ái L có hộ khẩu thường trú tại nhà số 47/17 H, phường P, quận T, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Bạch M có người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Ngọc Thái B có mặt;

Bị đơn bà Lê Nguyễn Ái L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà L đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn bà Lê Nguyễn Ái L thanh toán số tiền nợ 630.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 000612, quyển số 1, ngày 10/01/2022 của Văn phòng công

chứng T, Thành phố H. Thời hạn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Do bị đơn bà Lê Nguyễn Ái L không văn bản trình bày có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét; Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết.

Xét, tại Giấy vay tiền ngày 20/12/2021; “Tờ giải trình mượn tiền không lãi suất” ngày 27/02/2021 (đều là giấy tay, không công chứng, chứng thực) thể hiện ngày 20/12/2021 bà Lê Nguyễn Ái L vay của bà M 100.000.000 đồng và ngày 26/12/2021 bà Lê Nguyễn Ái L vay của bà M 530.000.000 đồng. Như vậy bà L có vay tiền của bà M 02 lần, với tổng số tiền là 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng.

Để đảm bảo cho việc vay tiền giữa hai bên, nên ngày 10/01/2022 bà M và bà L ký Hợp đồng vay tiền số công chứng 000612, quyển số 1, ngày 10/01/2022 của Văn phòng công chứng T, Thành phố H để xác định lại số tiền bà L vay của bà M là 630.000.000 đồng, thời hạn vay: kể từ ngày ký hợp đồng (công chứng) đến ngày 09/3/2022, không lãi suất. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà Hồ Thị Bạch M và bà Lê Nguyễn Ái L có ký kết hợp đồng vay tài sản, có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 470 của Bộ Luật dân sự năm 2015. Việc giao kết hợp đồng này giữa các bên là tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà M xác nhận, kể từ khi vay tiền đến nay bà L không trả nợ cho bà M. Ngày 12/02/2022, bà M đã làm thông báo yêu cầu trả nợ, nhưng bà L vẫn cố tình lẩn tránh không trả nợ. Hiện bà L bán nhà đi đâu bà M không biết.

Như vậy, đến hạn trả toàn bộ nợ gốc hai bên thỏa thuận là ngày 09/3/2022 nhưng bà L đã không thanh toán toàn bộ số nợ gốc 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng cho bà M là vi phạm nội dung hợp đồng do hai bên ký kết, nay bà M yêu cầu bà L thanh toán số tiền nợ 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà M không yêu cầu bị đơn bà L trả tiền lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 là có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Xét thấy, việc bị đơn bà L không thanh toán cho nguyên đơn bà M toàn bộ số nợ gốc 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền số công chứng 000612, quyển số 1, ngày 10/01/2022 của Văn phòng công chứng T, Thành phố H là vi phạm nghĩa vụ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà M, nên bà M yêu cầu bà L thanh toán hết số tiền nợ 630.000.000 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Bạch M được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Nguyễn Ái L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn bà Hồ Thị Bạch M, sinh năm 1960 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Các Điều 385, 401, 463, 466, 468, 470 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Bạch M.

Buộc bị đơn bà Lê Nguyễn Ái L có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Hồ Thị Bạch M số tiền nợ gốc 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng theo Giấy vay tiền ngày 20/12/2021; “Tờ giải trình mượn tiền không lãi suất” ngày 27/02/2021 và Hợp đồng vay tiền ngày 10/01/2022, số công chứng 000612, quyển số 1 của Văn phòng Công chứng T, Thành phố H.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Lê Nguyễn Ái L phải chịu số tiền là 29.200.000 (hai mươi chín triệu hai trăm ngàn) đồng.

Nguyên đơn bà Hồ Thị Bạch M, sinh năm 1960 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc N

